

GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: _____ Số hiệu: CKII-549 Mảnh bản đồ: [-48-81-A-c-2

Phương pháp đo: Đường chuyền Cấp, hạng: BC II

Trị giá khái lược _____ Độ cao: 1.0 m Kinh độ: 106° 04' 4

Vĩ độ: 9° 53' 9

Loại đất: Đất công Chất đất: đất thịt

Nơi đặt mốc: Thôn (bản, làng): Thôn Thảo Xá (thị trấn, phường): Hoà Ân

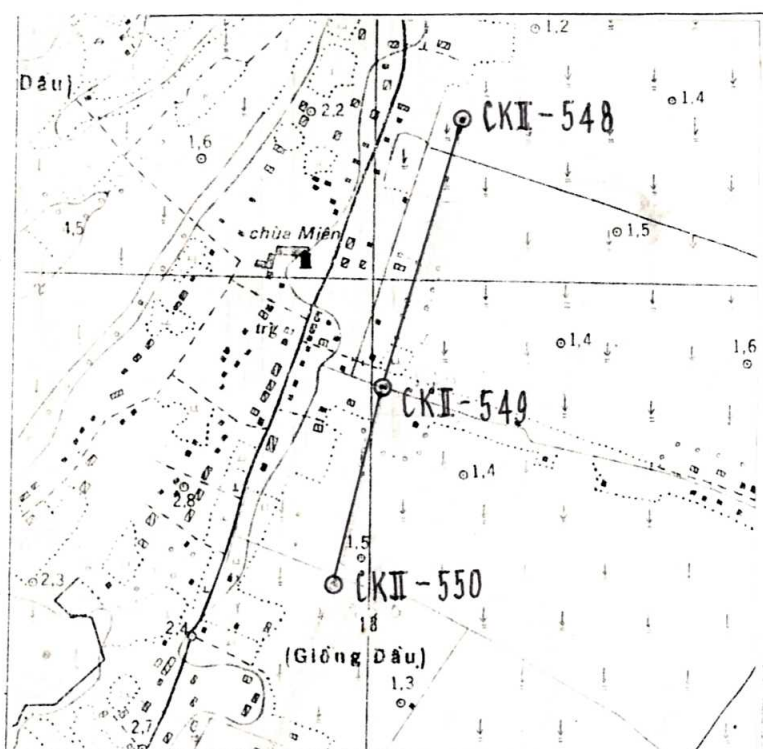
Huyện (Quận): Cầu Kê Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh

Nơi ở gần nhất: Nhà Võ Lưu Đông Khoảng cách tới điểm: 30 m

Người chọn: Hà Văn Hy Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và công trình

Ngày 04 tháng 3 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ: 1/10.000

Điểm thông hướng:

B (Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

CKII-548

CKII-550

Họ, tên, địa chỉ người

dẫn đường:

Võ Lưu Đông

Ấp: Thôn Thảo

Xã: Hoà Ân

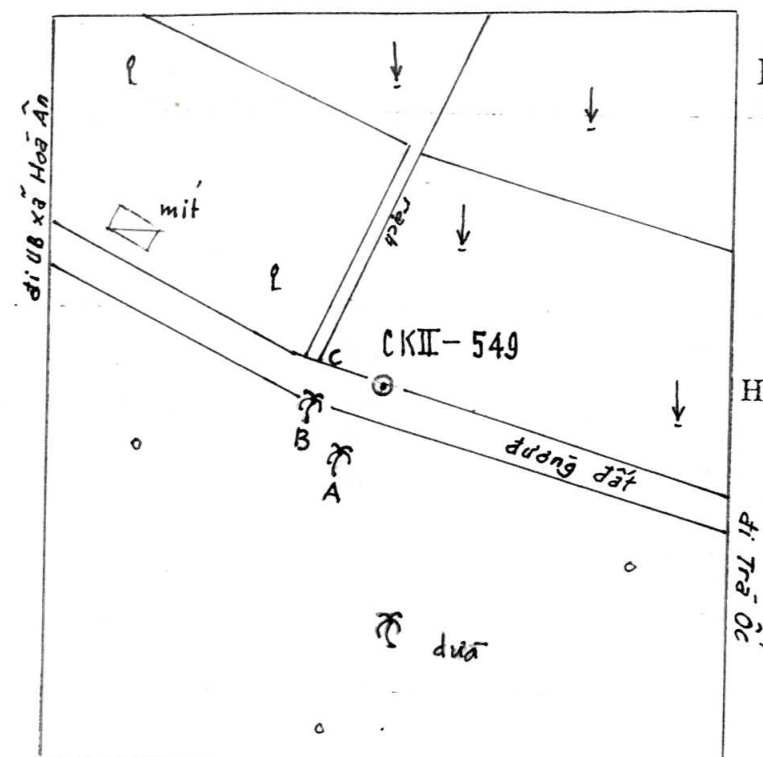
Huyện: Cầu Kê

Tỉnh: Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van đến điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Đáy nổ	1917	1916	1916	
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên	1515	1516	1516	400
Mặt đất	1343	1341	1342	174
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1/1000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vôi: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và công trình

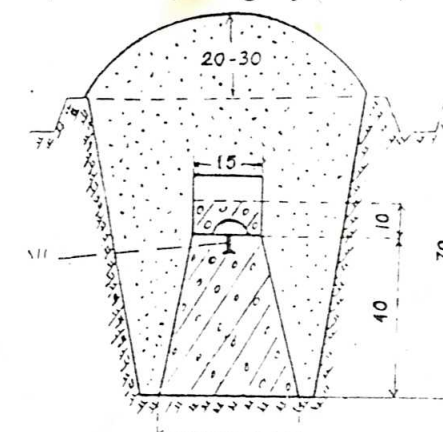
Người chôn mốc, làm tường vôi:

Hà Văn Hy

Loại mốc: Chôn 1 tầng

Ngày 05 tháng 3 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vôi (đơn vị cm)



V/c	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	<u>Góc đũa</u>	<u>Nam Tây Nam</u> <u>13.3</u>
B	<u>Góc đũa</u>	<u>Tây Nam</u> <u>11.3</u>
C	<u>Góc ruộng Thạch Sa</u>	<u>Tây Tây Bắc</u> <u>9.0</u>

Điểm này: Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm: _____ Số hiệu: _____ Cấp, hạng: _____

Điểm này đo nổi độ cao bằng: _____ Cấp, hạng: _____

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):
Từ bên xe huyện Cầu Kê đi xe honda ôm theo đường đi xã Hoà Ân
khoảng 3,5 km đến ấp Thôn Thảo xuống xe tới điểm

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm:

Ngày 05 tháng 3 năm 2000

Ngày 3 tháng 4 năm 2000

Người làm ghi chú điểm:

Người kiểm tra

Hà Văn Hy

Phạm Văn Khoa

HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "O", hạng I, II, III cơ sở, IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân thân, đảm nét để đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng ở vùng dân tộc ít người ghi phải an trong ngoặc đơn. Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chung kinh tế - kỹ thuật (LCKT - KT) và thực tế thi công.

3. Mảnh bản đồ số: Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đường chuyên ... và thực tế thi công.

5. Giá trị khai lược: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh, vĩ độ đến 0,1'.

6. Loại đất: Đất công hay tư (vụ nhân sự dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gần trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gần trên (tháp nước, nhà mái bằng, nền đá...) - tên riêng, tên chủ nhà.

7. Nơi đặt mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên hệ phố, lôn đường phải ghi tên đường, phố.

8. Nơi gần nhất: Là tên thôn (bản, làng) hoặc nhà ở nếu điểm đặt ở trong khu dân cư gần nhất. Khoảng cách từ điểm tính từ nơi gần nhất và lấy đến 1 km, 0,1 km hoặc tại chực một tuý theo điểm ở xa, gần cụ thể.

9. Người chọn, đơn vị chọn: Là tên người, đơn vị thực tế đã chọn điểm.

10. Điểm thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng: Cắt và dán bản đồ địa hình hoặc bản photocopy bản đồ địa hình bản đồ khu vực tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, mỗi cạnh ít nhất 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm. Điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng ký hiệu tam giác, điểm địa chính I, hạng IV vẽ bằng ký hiệu tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm và tô đen. Số hiệu điểm ghi vào chỗ chuẩn điểm (ở góc của chữ, số là 2,5 mm). Hướng đến điểm thông hướng vẽ mũi tên đến vị trí điểm đó (nếu điểm ở trong khung) hoặc vẽ đến cạnh khung (nếu điểm ở ngoài khung). Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường: Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Số liệu đo mốc: Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai dấu mốc. Số liệu lấy từ số đo mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có số mục này. Các điểm gần trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 9) cm và vật chuẩn: Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chấm ở tam kỳ nếu

15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây: Muc nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gần trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gần trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bê thiêu trần nếu trùng vào bê thiêu trần.

17. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

18. Điểm này: Tận dụng mốc cũ, giá cố, chôn trùng mốc: Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

19. Điểm này cơ sở, độ cao hướng: Công nghệ GPS, công nghệ khác, công nghệ khác, cấp hạng I, II, III, ghi khi đạt từ kỹ thuật (hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ: Kỹ thuật, tương đương hạng IV, hạng IV...

20. Đường đi tới điểm: Chỉ rõ đi từ địa điểm cụ thể nào, bằng phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phòng chừng quãng đường.

21. Cơ quan gia cố mốc, tường vây, lập ghi chú điểm: Nếu gia cố mốc, tường vây làm mới thì không ghi mục này. Nếu gia cố mốc, tường vây, gạch ngang bỏ phần việc không làm, gạch ngang bỏ mục này.

22. Người làm ghi chú địa điểm, người làm ghi chú địa điểm, người làm ghi chú địa điểm.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Hồ sơ

GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : _____

SỐ HIỆU : CKII - 549

CẤP, HẠNG : ĐC II

NĂM 2000